The Olympia Schools
Trung Van New Urban Area, Dai Mo Ward, Hanoi
+84 24 6267 7999

**CÔNG TY CỔ PHẦN GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO DREAM HOUSE**
**TRƯỜNG PHỔ THÔNG LIÊN CẤP OLYMPIA**

# BIỂU PHÍ TỔNG HỢP
# NĂM HỌC 2024 – 2025

## A. PHÍ THAM DỰ TUYỂN SINH

| Stt | Khoản phí | Số tiền (VNĐ/lần) |
|---|---|---|
| 1 | Phí tuyển sinh nộp khi học sinh mới tham gia xét tuyển vào trường. | 3.150.000 |

## B. CÁC KHOẢN PHÍ PHẢI NỘP HẰNG NĂM

| Stt | Các khoản phí theo cấp học | Số tiền (VNĐ/tháng) |
|---|---|---|
| I | **CHƯƠNG TRÌNH SONG NGỮ** | |
| | **Khối Mầm non** | |
| 1 | Học phí | 13.800.000 |
| 2 | Phí phát triển | 900.000 |
| 3 | Phí ăn uống | 1.750.000 |
| 4 | Học phẩm | 200.000 |
| | **Khối 1 - Khối 5** | |
| 1 | Học phí | 16.700.000 |
| 2 | Phí phát triển | 1.800.000 |
| 3 | Phí ăn uống | 2.300.000 |
| 4 | Học phẩm, sách, bảo hiểm y tế bắt buộc | 500.000 |
| | **Khối 6 – Khối 9** | |
| 1 | Học phí | 19.000.000 |
| 2 | Phí phát triển | 1.800.000 |
| 3 | Phí ăn uống | 2.700.000 |
| 4 | Học phẩm, sách, bảo hiểm y tế bắt buộc | 500.000 |
| | **Khối 10 - Khối 12** | |
| 1 | Học phí | 22.000.000 |
| 2 | Phí phát triển | 1.800.000 |
| 3 | Phí ăn uống | 2.700.000 |
| 4 | Học phẩm, sách, bảo hiểm y tế bắt buộc | 500.000 |
| **II** | **CHƯƠNG TRÌNH TÍCH HỢP** | |
| **A** | **HỌC PHÍ** | |
| **1** | **Chương trình Tích hợp 1** | |
| | Học phí khối 9 | 30.750.000 |

| | | | |
|---|---|---|---|
| | Học phí khối 10, 11 và 12 | 33.750.000 | |
| **2** | **Chương trình Tích hợp 2** | | |
| | Học phí khối 9 | 54.100.000 | |
| | Học phí khối 10 | 58.570.000 | |
| | Học phí khối 11 | 58.570.000 | |
| | Học phí khối 12 (Học tại Mỹ) | 86.800.000 | |
| **3** | **Chương trình Tích hợp 3** | | |
| | Học phí khối 10 | 59.750.000 | |
| | Học phí khối 11 | 64.920.000 | |
| | Học phí khối 12 | 64.920.000 | |
| **B** | **CÁC KHOẢN PHÍ KHÁC** | | |
| 1 | Phí phát triển | 1.800.000 | |
| 2 | Phí ăn uống | 2.700.000 | |
| 3 | Học phẩm, sách, bảo hiểm y tế bắt buộc | 500.000 | |

## B. CHIẾT KHẤU NỘP TIỀN THEO THỜI ĐIỂM:

| **STT** | **Điều kiện & thời điểm nộp tiền** | | **Mức chiết khấu** | |
|---|---|---|---|---|
| | **Thời điểm nộp** | **Điều kiện kèm theo** | **Nộp học phí cả năm** | **Nộp học phí theo kỳ** |
| 1 | Nộp trước ngày 31/03/2024 | Không nợ bất kỳ khoản phí nào của năm trước | 5% | 3% |
| 2 | Nộp trong thời gian từ ngày 01/04/2024 - 31/05/2024 | Không nợ bất kỳ khoản phí nào của năm trước | 4% | 2% |
| 3 | Nộp trong thời gian từ ngày 01/06/2024 – 30/06/2024 | Không nợ bất kỳ khoản phí nào của năm trước | 2% | 0% |

## C. CÁC KHOẢN PHÍ LỰA CHỌN

| **Stt** | **Khoản phí** | **Số tiền (VNĐ/tháng)** | |
|---|---|---|---|
| | **Phí dịch vụ xe buýt** | | |
| 1 | Đi 2 chiều < 3 km | 2.400.000 | |
| 2 | Đi 2 chiều từ 3 km - 10km | 3.000.000 | |
| 3 | Đi 2 chiều > 10 km - 15 km | 3.150.000 | |
| 4 | Đi 1 chiều < 3 km | 2.100.000 | |

| | | | |
|---|---|---|---|
| 5 | Đi 1 chiều từ 3 km - 10 km | 2.300.000 | |
| 6 | Đi 1 chiều > 10 km - 15 km | 2.415.000 | |
| 7 | Đi 2 chiều nhưng 2 điểm đón, trả khác nhau | Phí đi xe 2 chiều + 20% | |
| | **Phí bảo hiểm thân thể** | | |
| 1 | Phí bảo hiểm thân thể tự nguyện/ 1HS/ 1 năm học. Nộp 1 lần vào lần nộp đầu tiên | 980.000 | |

## D. PHÍ ĐỒNG PHỤC

| Stt | Cấp học | Số tiền dự kiến | Set dự kiến | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|
| 1 | Cấp Mầm non | 500.000 | 2 áo polo | Phụ huynh mua và thanh toán trực tiếp tại Bookstore của nhà trường |
| 2 | Cấp Tiểu học | 4.000.000 | 1 sơ mi dài tay, 1 sơ mi cộc tay, 1 áo vest, 2 chân váy (nữ), 2 quần (nam) và 2 áo polo, 1 áo len, 1 bộ thể thao đông và 1 bộ thể thao hè | |
| 3 | Cấp THCS | 4.500.000 | 1 sơ mi dài tay, 1 sơ mi cộc tay, 1 áo vest, 2 chân váy (nữ), 2 quần (nam), 2 áo polo, 1 áo len và 1 bộ thể thao hè | |
| 4 | Cấp THPT | 5.000.000 | 1 sơ mi dài tay, 1 sơ mi cộc tay, 1 áo vest, 2 chân váy (nữ), 2 quần (nam), 2 áo polo, 1 áo len và 1 bộ thể thao hè | |

## E. QUY ĐỊNH CHUNG

1. Mức phí và mức ưu đãi trên áp dụng cho năm học 2024 – 2025 có hiệu lực từ ngày ký cho đến khi có văn bản khác thay thế. Các trường hợp đặc biệt cần có phê duyệt riêng của Ban lãnh đạo Nhà trường.
2. Học phí và các khoản phí nêu trên có thể được thay đổi phù hợp điều kiện của trường theo từng thời kỳ và pháp luật Việt Nam.